TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q.THANH KHÊ – TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29**/2018/DS-ST
Ngày: 09.7.2018
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*** :

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Hoàng Quốc Cường**

Ông **Phạm Thuận**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Võ Thị Nhị Tứ** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng*** *tham gia phiên tòa* có ông **Lê Thanh Tráng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2017/TLST-DS ngày 30/11/2017 về việc " *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* "theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 413/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 413/ 2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 49/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty A ;** Trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà Ree, số 09 đường Đoàn Văn Bơ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật ông Lô Bằng G - Chức vụ: Chủ tịch Hội Đồng thành viên. Người đại diện theo ủy quyền ông **Lê Hiền T** - Chức vụ: Trưởng Phòng Thu Hồi Nợ Pháp Lý kiêm Quản Lý Pháp Chế cho Phòng An Ninh và Phòng Kiểm soát Gian lận, Phòng Thu Hồi Nợ Pháp Lý, Trung Tâm Thu Hồi Nợ - Khối Tín dụng tiêu dùng - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo văn bản ủy quyền số 14/2017/UQ-QTRR.17 ngày 22/3/2017. Ông Lê Hiền Thảo ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn S , sinh năm 1996 và ông Trương Ngọc Á sinh năm 1981. Trú cùng địa chỉ: Số 353 đường Nguyễn Tri Phương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền không số 3858/2018/UQTT- VH.18 ngày 26 tháng 4 năm 2018). Có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị đơn:*** Ông **Phan Văn M**, sinh năm:1963; Địa chỉ: Phòng 402A.1 Chung cư T, tổ 24, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2017,đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 15/4/2018 và tại phiên đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày*: Ngày 05/01/2015 ông Phan Văn M và Công ty A có ký một hợp đồng tín dụng số 2014123-500003-0003 theo đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng do ông Phan Văn M lập ngày 24/12/2014 với nội dung Công ty A cho ông Phan Văn M vay số tiền 26.375.000đ *(Hai mươi sáu triệu, ba trăm bảy lăm ngàn đồng)* bao gồm vay tiêu dùng 25.000.000đ *(Hai mươi lăm triệu đồng)* , phí bảo hiểm 1.375.000đ *(Một triệu, ba trăm bảy lăm ngàn đồng)*, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay theo thỏa thuận 2.92%/tháng, phương thức thanh toán trong 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.194.000đ *(Một triệu, một trăm chín tư ngàn đồng)* bao gồm cả gốc + lãi, tháng cuối cùng (tháng 36) trả 1.139.000đ *(Một triệu, một trăm ba chín ngàn đồng)* . Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên ông Minh đã thanh toán được 10 tháng với tổng số tiền gốc và lãi là 11.940.000đ *(Mười một triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng)* tính đến ngày 05/10/2015. Kể từ sau ngày 05/11/2015 cho đến nay ông M không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng mặt dù đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ông Phan Văn M còn nợ số tiền gốc vay và lãi vay là: 30.318.949đ *(Ba mươi triệu, ba trăm mười tám ngàn, chín trăm bốn mươi chín đồng)* đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn M phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A số tiền 30.318.949đ *(Ba mươi triệu, ba trăm mười tám ngàn, chín trăm bốn mươi chín đồng)* và trả một lần trong thời gian sớm nhất.

* Tại văn bản tự khai ngày 10 tháng 01 năm 2018 Bị đơn ông Phan Văn M thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng số 2014123-500003-0003 với Công ty A để vay số tiền 26.375.000đ *(Hai mươi sáu triệu, ba trăm bảy lăm ngàn đồng)* trong đó vay tiêu dùng 25.000.000đ và phí bảo hiểm 1.375.000đ *(Một triệu, ba trăm bảy lăm ngàn đồng)*, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất theo thỏa thuận 2.92%/tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.194.000đ *(Một triệu, một trăm chín tư ngàn đồng)* bao gồm cả gốc + lãi, tháng cuối cùng trả 1.139.000đ *(Một triệu, một trăm ba chín ngàn đồng)*, đã thanh toán được 10 tháng với số tiền 11.940.000đ *(Mười một triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng)*. Hiện còn nợ lại số tiền 30.318.949đ *(Ba mươi triệu, ba trăm mười tám ngàn, chín trăm bốn chín đồng)* theo yêu cầu khởi kiện của Công ty A là đúng. Nay vì hoàn cảnh khó khăn nên xin trả hết số tiền gốc là 21.524.600đ *(Hai mươi mốt triệu, năm trăm hai bốn ngàn, sáu trăm đồng)* và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* vào ngày 20 hành tháng cho đến khi hết nợ.

Đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

* *Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đảm bảo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự quy định.

* *Về nội dung*: Xét quan hệ hợp đồng tín dụng giữa Công ty A và ông Phan Văn M là hợp pháp đã được các bên thừa nhận, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 468 và 470 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn Buộc bị đơn ông Phan Văn M phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Công ty A số tiền 30.318.949đ *(Ba mươi triệu, ba trăm mười tám ngàn, chín trăm bốn mươi chín đồng)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

* **Về thủ tục tố tụng**:

[1] Bị đơn ông Phan Văn M đã được Tòa án thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS năm 2015 HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

* **Về nội dung:**

[2] Tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa là đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141230-500003-0003 (số hiệu hồ sơ 0242424) do ông Phan Văn M ký ngày 24/12/2014 được bên cho vay Công ty A phê duyệt ngày 05/01/2015, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan mà trong quá trình các bên thực hiện hợp đồng tín dụng nói trên tính đến ngày 06/11/2015 bị đơn ông M còn nợ lại nguyên đơn số tiền cả gốc lẫn lãi là 30.318.949đ *(Ba mươi triệu, ba trăm mười tám ngàn, chín trăm bốn mươi chín đồng)*, các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được bị đơn thừa nhận không phản bác, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, căn cứ vào Điều 92 BLTTDS Tòa án công nhận quan hệ pháp luật dân sự nêu trên là sự thật.

[3] Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông M phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng là 30.318.949đ *(Ba mươi triệu, ba trăm mười tám ngàn, chín trăm bốn mươi chín đồng)* Trong đó nợ tiền gốc vay đến hạn 21.524.606đ *(Hai mươi mốt triệu, năm trăm hai bốn ngàn, sáu trăm lẻ sáu đồng)* và khoản nợ lãi được thỏa

thuận theo hợp đồng 8.794.343đ *(Tám triệu, bảy trăm chín tư ngàn, ba trăm bốn ba đồng)* và trả một lần trong thời gian sớm nhất.

[4] Bị đơn ông M mặt dù đã thừa nhận số tiền nợ trên đối với nguyên đơn, song ông cho rằng do hoàn cảnh khó nên xin trả số tiền nợ gốc còn lại 21.524.606đ *(Hai mươi mốt triệu, năm trăm hai bốn ngàn, sáu trăm lẻ sáu đồng)* và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* vào ngày 20 hàng tháng cho đến khi hết nợ.

[5] Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bị đơn ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện là đúng pháp luật, việc ông M nêu hoàn cảnh khó và xin trả số tiền nợ gốc còn lại và trả dần mỗi tháng 1.000.000đ yêu cầu này của ông M không được bên đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp nhận, vì vậy HĐXX không thỏa mãn theo yêu cầu của ông M được.

[6] Vì vậy lẽ trên, căn cứ vào các Điều 463,466, 468 và Điều 470 BLDS năm 2015 HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của đại diện Viện VKS nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa để buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ 30.318.949đ *(Ba mươi triệu, ba trăm mười tám ngàn, chín trăm bốn mươi chín đồng)* Trong đó nợ tiền gốc vay đến hạn 21.524.606đ *(Hai mươi mốt triệu, năm trăm hai bốn ngàn, sáu trăm lẻ sáu đồng)* và khoản nợ lãi được thỏa thuận theo hợp đồng 8.794.343đ *(Tám triệu, bảy trăm chín tư ngàn, ba trăm bốn ba đồng)* và trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[7] Về án phí DSST bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật là 30.318.949đ x 5% = 1.515.600đ *(Làm tròn số)*.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án DSST 757.973đ đã nộp theo biên lại thu số 009888 ngày 30.10.2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào Điều 92 và các Điều 227, 228 BLTTDS.

* Căn cứ vào các Điều 463,466, 468 và Điều 470 BLDS năm 2015.

* Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án năm 2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

* Buộc bị đơn ông Phan Văn M phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho nguyên đơn Công ty A số tiền 30.318.949đ *(Ba mươi triệu, ba trăm mười tám ngàn, chín trăm bốn mươi chín đồng)* Trong đó tiền gốc: 21.524.606đ *(Hai mươi*

mốt triệu, năm trăm hai bốn ngàn, sáu trăm lẻ sáu đồng) và nợ lãi: 8.794.343đ *(Tám triệu, bảy trăm chín tư ngàn, ba trăm bốn ba đồng)* và trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí DSST 1.515.600đ ông Phan Văn M phải chịu.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án DSST 757.973đ đã nộp theo biên lại thu số 009888 ngày 30.10.2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn và bị đơn đ- ợc biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm uyết bản án.

Nơi nhân:
- Ng- ời tham gia tố tụng
- Viện KSND quận Thanh Khê
- THA DS quận Thanh Khê
- L- u Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Vĩnh Chuyển